

| STT | Họ                 | Tên  | Lớp   | Điểm Lý Thuyết | Điểm Thực Hành | Điểm Trung Bình | Xếp Loại   |
|-----|--------------------|------|-------|----------------|----------------|-----------------|------------|
| 1   | Nguyễn Châu Bình   | An   | 11A1  | 5              | 8              | 7,5             | Khá        |
| 2   | Quách Chí          | An   | 11A13 | 5,5            | 6,5            | 6,5             | Trung bình |
| 3   | Lê Hoài            | An   | 11A2  | 5,75           | 10             | 9               | Giỏi       |
| 4   | Phan Quốc          | An   | 11A6  | 8,25           | 10             | 9,5             | Giỏi       |
| 5   | Đỗ Tấn             | An   | 11A12 | 5,25           | 7              | 6,5             | Trung bình |
| 6   | Cát Thiên          | An   | 11A4  | Vắng           | Vắng           |                 |            |
| 7   | Nguyễn Văn         | An   | 11A6  | 5              | 5,5            | 5,5             | Trung bình |
| 8   | Huỳnh Lâm Bảo      | Anh  | 11A2  | Vắng           | Vắng           |                 |            |
| 9   | Nguyễn Duy         | Anh  | 11A7  | 4              | 7              | 6,5             | Trung bình |
| 10  | Thái Đình          | Anh  | 11A12 | 6              | 7              | 7               | Khá        |
| 11  | Nguyễn Đức         | Anh  | 11A5  | Vắng           | Vắng           |                 |            |
| 12  | Đinh Chân Huệ      | Anh  | 11A13 | 4              | 9              | 8               | Trung bình |
| 13  | Giang Hà Kim       | Anh  | 11A9  | 6,5            | 10             | 9               | Giỏi       |
| 14  | Nguyễn Thị Kim     | Anh  | 11A14 | 5,5            | 6              | 6               | Trung bình |
| 15  | Văn Kỳ             | Anh  | 11A9  | 5,5            | 8,5            | 8               | Khá        |
| 16  | Đinh Lan           | Anh  | 11A4  | 5,75           | 9,75           | 9               | Giỏi       |
| 17  | Huỳnh Ngọc Minh    | Anh  | 11A9  | Vắng           | Vắng           |                 |            |
| 18  | Nguyễn Ngọc Minh   | Anh  | 11A8  | 5,25           | 8,75           | 8               | Khá        |
| 19  | Nguyễn Trần Nam    | Anh  | 11A9  | 6              | 9,75           | 9               | Giỏi       |
| 20  | Trần Nhật          | Anh  | 11A14 | 5              | 10             | 9               | Giỏi       |
| 21  | Mai Phương         | Anh  | 11A1  | 7              | 9,75           | 9               | Giỏi       |
| 22  | Phạm Ngọc Phương   | Anh  | 11A1  | 5,5            | 9              | 8               | Khá        |
| 23  | Nguyễn Ngọc Phương | Anh  | 11A7  | 4              | 3              | 3,5             | Hổng       |
| 24  | Vương Quang        | Anh  | 11A8  | 7              | 10             | 9,5             | Giỏi       |
| 25  | Nguyễn Hoàng Quốc  | Anh  | 11A7  | Vắng           | Vắng           |                 |            |
| 26  | Nguyễn Quốc        | Anh  | 11A8  | 5,25           | 9,5            | 8,5             | Khá        |
| 27  | Đặng Ngọc Quỳnh    | Anh  | 11A13 | 4,25           | 7,5            | 6,5             | Trung bình |
| 28  | Nguyễn Ngọc Quỳnh  | Anh  | 11A5  | 4,25           | 7              | 6,5             | Trung bình |
| 29  | Phạm Tuấn          | Anh  | 11A10 | 3,75           | 6              | 5,5             | Trung bình |
| 30  | Lâm Thiên          | Anh  | 11A9  | Vắng           | Vắng           |                 |            |
| 31  | Lý Trần Trâm       | Anh  | 11A8  | 5              | 8,5            | 7,5             | Khá        |
| 32  | Nguyễn Trâm        | Anh  | 11A3  | 4,5            | 5,75           | 5,5             | Trung bình |
| 33  | Nguyễn Võ Trâm     | Anh  | 11A6  | 5,5            | 8,5            | 8               | Khá        |
| 34  | Đoàn Trúc          | Anh  | 11A11 | 3              | 6,5            | 5,5             | Trung bình |
| 35  | Ngũ Gia            | Ân   | 11A14 | 6              | 9              | 8,5             | Khá        |
| 36  | Cao Hoàng          | Ân   | 11A5  | 4,25           | 7              | 6,5             | Trung bình |
| 37  | Đinh Phúc          | Ân   | 11A12 | 2              | 6              | 5               | Hổng       |
| 38  | Nguyễn Phúc        | Ân   | 11A7  | 4,5            | 8              | 7               | Trung bình |
| 39  | Lã Chí             | Bảo  | 11A9  | Vắng           | Vắng           |                 |            |
| 40  | Lê Gia             | Bảo  | 11A4  | 2,75           | 8              | 6,5             | Hổng       |
| 41  | Phạm Lê Gia        | Bảo  | 11A10 | 3,5            | 5,25           | 5               | Trung bình |
| 42  | Lê Hoàng Gia       | Bảo  | 11A11 | 6,25           | 8              | 7,5             | Khá        |
| 43  | Dương Gia          | Bảo  | 11A6  | 5,5            | 9              | 8               | Khá        |
| 44  | Nguyễn An Gia      | Bảo  | 11A8  | 8,5            | 10             | 9,5             | Giỏi       |
| 45  | Phan Gia           | Bảo  | 11A3  | 1,5            | 6              | 5               | Hổng       |
| 46  | Nguyễn Đoàn Gia    | Bảo  | 11A13 | 6,25           | 9,3            | 8,5             | Khá        |
| 47  | Nguyễn Gia         | Bảo  | 11A4  | 5,5            | 8,8            | 8               | Khá        |
| 48  | Nguyễn Gia         | Bảo  | 11A9  | 5,5            | 8,8            | 8               | Khá        |
| 49  | Phòng Kim          | Bảo  | 11A4  | 3,5            | 4              | 4               | Hổng       |
| 50  | Trịnh Hoàng Minh   | Bảo  | 11A7  | Vắng           | Vắng           |                 |            |
| 51  | Nguyễn Quốc        | Bảo  | 11A12 | 7,5            | 8,5            | 8,5             | Khá        |
| 52  | Dương Thiên        | Bảo  | 11A14 | Vắng           | Vắng           |                 |            |
| 53  | Đàm Thiên          | Bảo  | 11A5  | 5,75           | 7,5            | 7               | Khá        |
| 54  | Triệu Thiên        | Bảo  | 11A1  | Vắng           | Vắng           |                 |            |
| 55  | Võ Khánh           | Băng | 11A1  | 9,25           | 10             | 10              | Giỏi       |

|     |                   |        |       |      |      |     |            |
|-----|-------------------|--------|-------|------|------|-----|------------|
| 56  | Bùi Nguyễn Ngọc   | Bích   | 11A12 | 5,25 | 7    | 6,5 | Trung bình |
| 57  | Nguyễn Thanh      | Bình   | 11A14 | 5,25 | Vắng |     |            |
| 58  | Lu Khổng Ngọc     | Bội    | 11A11 | 5    | 5,5  | 5,5 | Trung bình |
| 59  | Hồ Quốc           | Bửu    | 11A5  | Vắng | Vắng |     |            |
| 60  | Tạ Ngọc Bảo       | Châu   | 11A2  | 4,5  | 6,3  | 6   | Trung bình |
| 61  | Hà Nguyễn Hoàng   | Châu   | 11A12 | 6,5  | 9    | 8,5 | Khá        |
| 62  | Phùng Trần Ngọc   | Chi    | 11A9  | 6    | 10   | 9   | Giỏi       |
| 63  | Võ Khánh Lam      | Chinh  | 11A8  | 5,75 | 9,8  | 9   | Giỏi       |
| 64  | Lê Hoàng          | Chương | 11A8  | 8    | 9,8  | 9,5 | Giỏi       |
| 65  | Lâm Hoàng Thái    | Chương | 11A13 | 6,25 | 10   | 9   | Giỏi       |
| 66  | Đỗ Thành          | Danh   | 11A13 | 6,5  | 7    | 7   | Khá        |
| 67  | Đoàn Vinh         | Danh   | 11A8  | 6    | 8,5  | 8   | Khá        |
| 68  | Kiên Thị Ngọc     | Diễm   | 11A13 | Vắng | Vắng |     |            |
| 69  | Đỗ Lâm Thảo       | Dung   | 11A1  | 4    | 5    | 5   | Trung bình |
| 70  | Phạm Vũ Anh       | Dũng   | 11A7  | 3,5  | 7,5  | 6,5 | Trung bình |
| 71  | Nguyễn Chí        | Dũng   | 11A10 | 4    | 6,8  | 6   | Trung bình |
| 72  | Bùi Hoàng         | Dũng   | 11A9  | 4,5  | 6,8  | 6   | Trung bình |
| 73  | Lê Văn            | Dũng   | 11A9  | 5,25 | 5,8  | 5,5 | Trung bình |
| 74  | Cao Thế Anh       | Duy    | 11A11 | 4,75 | 6,8  | 6,5 | Trung bình |
| 75  | Đào Phương Bảo    | Duy    | 11A12 | Vắng | Vắng |     |            |
| 76  | Lê Cao Đình       | Duy    | 11A2  | 4,75 | 6    | 5,5 | Trung bình |
| 77  | Lư Cẩm            | Duyên  | 11A2  | 6    | 7    | 7   | Khá        |
| 78  | Nguyễn Đàm Mỹ     | Duyên  | 11A12 | 5,5  | 5,5  | 5,5 | Trung bình |
| 79  | Đào Mỹ            | Duyên  | 11A7  | Vắng | Vắng |     |            |
| 80  | Nguyễn Khánh      | Dương  | 11A5  | 3,5  | 6,75 | 6   | Trung bình |
| 81  | Đỗ Tuấn           | Dương  | 11A7  | Vắng | Vắng |     |            |
| 82  | Nguyễn Võ Thùy    | Dương  | 11A11 | 6    | 7    | 7   | Khá        |
| 83  | Trần Công         | Đại    | 11A3  | Vắng | Vắng |     |            |
| 84  | Nguyễn Hoàng Minh | Đan    | 11A11 | 6,5  | 6,5  | 6,5 | Trung bình |
| 85  | Lê Thành Hồng     | Đào    | 11A3  | 2,75 | 7    | 6   | Hồng       |
| 86  | Lưu Tuyết         | Đào    | 11A12 | 4    | 6    | 5,5 | Trung bình |
| 87  | Lê Hoàng          | Đạt    | 11A10 | 3    | 7    | 6   | Trung bình |
| 88  | Lưu Hùng          | Đạt    | 11A11 | 5    | 7    | 6,5 | Trung bình |
| 89  | Nguyễn Thành      | Đạt    | 11A12 | 6,75 | 8    | 7,5 | Khá        |
| 90  | Lý Thành          | Đạt    | 11A13 | 5,5  | 9    | 8   | Khá        |
| 91  | Tạ Duy            | Đăng   | 11A7  | 4,25 | 5,75 | 5,5 | Trung bình |
| 92  | Nguyễn Võ Khánh   | Đăng   | 11A4  | 3,75 | Vắng |     |            |
| 93  | Võ Phúc           | Điền   | 11A13 | 5,75 | 5,75 | 6   | Trung bình |
| 94  | Nguyễn Hoàng      | Đĩnh   | 11A5  | 3,25 | 7    | 6   | Trung bình |
| 95  | Võ Hồ Duy         | Định   | 11A12 | 4,75 | 5,5  | 5,5 | Trung bình |
| 96  | Lý Hiệp           | Định   | 11A7  | 4    | 5,5  | 5   | Trung bình |
| 97  | Phạm Đặng Khánh   | Đoan   | 11A8  | Vắng | Vắng |     |            |
| 98  | Đỗ Trường Khánh   | Đoan   | 11A13 | 6,5  | 8,75 | 8   | Khá        |
| 99  | Lưu Anh           | Đức    | 11A6  | 4,75 | 8    | 7   | Trung bình |
| 100 | Đặng Duy          | Đức    | 11A1  | Vắng | Vắng |     |            |
| 101 | Trương Kiến       | Đức    | 11A9  | 5,5  | 5,75 | 5,5 | Trung bình |
| 102 | Trương Minh       | Đức    | 11A10 | 3,75 | 7    | 6   | Trung bình |
| 103 | Lai Quang         | Đức    | 11A1  | 4,75 | 7    | 6,5 | Trung bình |
| 104 | Thái Hoàng        | Gia    | 11A11 | 6    | 8,5  | 8   | Khá        |
| 105 | Nguyễn Duy        | Giàu   | 11A13 | 3,5  | 7    | 6   | Trung bình |
| 106 | Bùi Việt          | Hà     | 11A5  | Vắng | Vắng |     |            |
| 107 | Phạm Hoàng Đại    | Hải    | 11A1  | 6,5  | Vắng |     |            |
| 108 | Trần Hoàng Anh    | Hào    | 11A6  | 3    | 5    | 4,5 | Hồng       |
| 109 | Văn Chí           | Hào    | 11A6  | 3,5  | 7    | 6   | Trung bình |
| 110 | Nguyễn Song       | Hào    | 11A12 | Vắng | Vắng |     |            |
| 111 | Hân Ngọc          | Hảo    | 11A3  | Vắng | Vắng |     |            |

|     |                   |       |       |      |      |     |            |
|-----|-------------------|-------|-------|------|------|-----|------------|
| 112 | Nguyễn Mỹ         | Hằng  | 11A5  | 5    | 5,5  | 5,5 | Trung bình |
| 113 | Nguyễn Thị Phương | Hằng  | 11A13 | Vắng | Vắng |     |            |
| 114 | Nguyễn Lâm Bảo    | Hân   | 11A8  | 5    | 10   | 9   | Giỏi       |
| 115 | Lợi Gia           | Hân   | 11A9  | 5,75 | 9    | 8   | Khá        |
| 116 | Ngự Gia           | Hân   | 11A2  | 4    | 9    | 8   | Trung bình |
| 117 | Nguyễn Ngọc Gia   | Hân   | 11A10 | 5,75 | 10   | 9   | Giỏi       |
| 118 | Nguyễn Hồng Gia   | Hân   | 11A12 | 5    | 9,5  | 8,5 | Khá        |
| 119 | Trần Gia          | Hân   | 11A3  | Vắng | Vắng |     |            |
| 120 | Quách Khả         | Hân   | 11A11 | 4,25 | 5,5  | 5   | Trung bình |
| 121 | Trần Ngọc         | Hân   | 11A2  | 6    | 5    | 5,5 | Trung bình |
| 122 | Lý Đức            | Hiền  | 11A3  | Vắng | Vắng |     |            |
| 123 | Dương Mỹ          | Hiền  | 11A13 | 5,25 | 5    | 5   | Trung bình |
| 124 | Dương Thu         | Hiền  | 11A7  | 6,5  | 4    | 4,5 | Hồng       |
| 125 | Bùi Thị Thu       | Hiền  | 11A14 | 2,25 | 3,3  | 3   | Hồng       |
| 126 | Nguyễn Phúc       | Hiền  | 11A9  | 3,75 | 9    | 7,5 | Trung bình |
| 127 | Đặng Nguyễn Công  | Hiếu  | 11A4  | 4,25 | 9    | 8   | Trung bình |
| 128 | Trần Hoàng        | Hiếu  | 11A7  | 3,75 | 10   | 8,5 | Trung bình |
| 129 | Đinh Trương Minh  | Hiếu  | 11A8  | 6    | 10   | 9   | Giỏi       |
| 130 | Nguyễn Minh       | Hiếu  | 11A6  | 2,25 | 6,3  | 5,5 | Hồng       |
| 131 | Hồ Minh           | Hiếu  | 11A7  | 3,5  | Vắng |     |            |
| 132 | Nguyễn Võ Quốc    | Hiếu  | 11A9  | 4,25 | 5,3  | 5   | Trung bình |
| 133 | Lê Minh           | Hòa   | 11A11 | 5,75 | 10   | 9   | Giỏi       |
| 134 | Nguyễn Thanh      | Hoài  | 11A1  | Vắng | Vắng |     |            |
| 135 | Lâm Nhựt          | Hoàng | 11A12 | 8    | 9,8  | 9,5 | Giỏi       |
| 136 | Lê Thanh          | Hoàng | 11A6  | 4,5  | 7    | 6,5 | Trung bình |
| 137 | Lê Thanh          | Hoàng | 11A12 | 5    | Vắng |     |            |
| 138 | Nguyễn Thị Như    | Hồng  | 11A14 | 2,25 | 8,5  | 7   | Hồng       |
| 139 | Hoàng Gia         | Huân  | 11A7  | 4,75 | 7    | 6,5 | Trung bình |
| 140 | Nguyễn Tấn Vỹ     | Huân  | 11A14 | 7,25 | 9    | 8,5 | Khá        |
| 141 | Nguyễn Bá         | Hùng  | 11A13 | 6    | 4    | 4,5 | Hồng       |
| 142 | Trần Cẩm          | Hùng  | 11A12 | 4,75 | 2    | 2,5 | Hồng       |
| 143 | Đậu Anh           | Huy   | 11A6  | 3,75 | 6    | 5,5 | Trung bình |
| 144 | Trần Gia          | Huy   | 11A7  | 5,5  | 7    | 6,5 | Trung bình |
| 145 | Thang Gia         | Huy   | 11A5  | 4    | 8,3  | 7   | Trung bình |
| 146 | Tổng Gia          | Huy   | 11A6  | 5,75 | 7,5  | 7   | Khá        |
| 147 | Thái Gia          | Huy   | 11A6  | 3,75 | 5    | 4,5 | Hồng       |
| 148 | Nguyễn Ngô Gia    | Huy   | 11A3  | 5,75 | 9    | 8   | Khá        |
| 149 | Vũ Gia            | Huy   | 11A5  | Vắng | Vắng |     |            |
| 150 | Bồ Hạo            | Huy   | 11A5  | 6    | 9    | 8,5 | Khá        |
| 151 | Huỳnh Hoàng       | Huy   | 11A13 | 6,25 | 9    | 8,5 | Khá        |
| 152 | Phạm Hoàng        | Huy   | 11A10 | 3,5  | 9,3  | 8   | Trung bình |
| 153 | Lê Huỳnh Khánh    | Huy   | 11A11 | 5,75 | 6,5  | 6,5 | Trung bình |
| 154 | Phạm Minh         | Huy   | 11A14 | Vắng | Vắng |     |            |
| 155 | Nhan Minh         | Huy   | 11A10 | 4,75 | 7    | 6,5 | Trung bình |
| 156 | Phan Minh         | Huy   | 11A13 | 7    | 10   | 9,5 | Giỏi       |
| 157 | Lữ Minh           | Huy   | 11A10 | 4,75 | 7    | 6,5 | Trung bình |
| 158 | Nguyễn Ngọc       | Huy   | 11A6  | 4,25 | 5    | 5   | Trung bình |
| 159 | Đinh Hoàng Nhật   | Huy   | 11A11 | 5    | 8    | 7,5 | Khá        |
| 160 | Võ Phước          | Huy   | 11A7  | 6    | 6    | 6   | Trung bình |
| 161 | Nguyễn Quang      | Huy   | 11A5  | 4,75 | 7,5  | 7   | Trung bình |
| 162 | Bùi Nguyễn Quốc   | Huy   | 11A12 | Vắng | Vắng |     |            |
| 163 | Nguyễn Phạm Quốc  | Huy   | 11A8  | 5    | 8,75 | 8   | Khá        |
| 164 | Đào Quốc          | Huy   | 11A6  | 5,75 | 7,5  | 7   | Khá        |
| 165 | Lưu Quốc          | Huy   | 11A12 | 5,75 | 5    | 5   | Trung bình |
| 166 | Huỳnh Thiện Thái  | Huy   | 11A9  | Vắng | Vắng |     |            |
| 167 | Lương Thị Ngọc    | Huyền | 11A4  | 2,25 | 8,5  | 7   | Hồng       |

|     |                    |       |       |      |      |     |            |
|-----|--------------------|-------|-------|------|------|-----|------------|
| 168 | Hà Gia             | Hưng  | 11A11 | 2    | 5    | 4,5 | Hồng       |
| 169 | Trần Gia           | Hưng  | 11A8  | 8,75 | 9    | 9   | Giỏi       |
| 170 | Nguyễn Lê Hoàng    | Hưng  | 11A14 | 4,75 | Vắng |     |            |
| 171 | Đặng Thành         | Hưng  | 11A9  | 3,5  | 9,5  | 8   | Trung bình |
| 172 | Phạm Hà Xuân       | Hương | 11A8  | 6    | 9,5  | 8,5 | Khá        |
| 173 | Nguyễn Lê          | Hường | 11A5  | 2,25 | 8,25 | 7   | Hồng       |
| 174 | Trần Mai           | Hường | 11A10 | 5    | 8    | 7,5 | Khá        |
| 175 | Trần Chí           | Kiên  | 11A11 | 2,75 | 6    | 5   | Hồng       |
| 176 | Lao Gia            | Kiệt  | 11A1  | 7    | 9    | 8,5 | Khá        |
| 177 | Quang Tuấn         | Kiệt  | 11A5  | 4,5  | 8    | 7   | Trung bình |
| 178 | Trần Nguyễn Tuấn   | Kiệt  | 11A12 | 5,75 | 9    | 8   | Khá        |
| 179 | Ngô Tuấn           | Kiệt  | 11A3  | 3,5  | Vắng |     |            |
| 180 | Đinh Thế           | Kiệt  | 11A9  | 7,75 | 10   | 9,5 | Giỏi       |
| 181 | Tô Ngọc Thiên      | Kim   | 11A4  | 6,75 | 7    | 7   | Khá        |
| 182 | Nguyễn Hoàng Thiên | Kim   | 11A1  | 5    | 6,5  | 6   | Trung bình |
| 183 | Lê Hà Bảo          | Kha   | 11A5  | 4,75 | 9    | 8   | Trung bình |
| 184 | Võ Trần Nhật       | Khải  | 11A6  | 4,5  | 5    | 5   | Trung bình |
| 185 | Nguyễn Tiến        | Khải  | 11A13 | 7,5  | 9    | 8,5 | Khá        |
| 186 | Huỳnh Đặng Bảo     | Khang | 11A12 | 8,25 | 8,5  | 8,5 | Khá        |
| 187 | Trần Duy           | Khang | 11A2  | 6,25 | 9,5  | 8,5 | Khá        |
| 188 | Dương              | Khang | 11A9  | 8,5  | 9,75 | 9,5 | Giỏi       |
| 189 | Phùng Hoàng        | Khang | 11A13 | 4,25 | 8,5  | 7,5 | Trung bình |
| 190 | Nguyễn Hoàng       | Khang | 11A8  | 6,5  | 9,5  | 9   | Giỏi       |
| 191 | Võ Hoàng           | Khang | 11A8  | 7,5  | 9,5  | 9   | Giỏi       |
| 192 | Lý Phúc Minh       | Khang | 11A10 | 3    | 6    | 5,5 | Trung bình |
| 193 | Trần Phúc          | Khang | 11A11 | 6    | 5,5  | 5,5 | Trung bình |
| 194 | Nguyễn Quốc        | Khang | 11A1  | 7,75 | 7    | 7   | Khá        |
| 195 | Từ Quốc            | Khang | 11A10 | 4,5  | 7,3  | 6,5 | Trung bình |
| 196 | Huỳnh Vĩnh         | Khang | 11A5  | 3,5  | Vắng |     |            |
| 197 | Lâm Vĩnh           | Khang | 11A2  | 5,5  | 10   | 9   | Giỏi       |
| 198 | Đoàn Bảo           | Khánh | 11A13 | 4,5  | 6,5  | 6   | Trung bình |
| 199 | Quan Nguyễn Bảo    | Khánh | 11A10 | 4,75 | 9,5  | 8,5 | Trung bình |
| 200 | Trần Phúc          | Khánh | 11A11 | 6,25 | 9,8  | 9   | Giỏi       |
| 201 | Lê Quốc            | Khánh | 11A6  | Vắng | Vắng |     |            |
| 202 | Đặng Quốc          | Khánh | 11A7  | Vắng | Vắng |     |            |
| 203 | Đinh Nguyễn Quốc   | Khánh | 11A5  | 7,5  | 7,8  | 7,5 | Khá        |
| 204 | Nguyễn Thái Anh    | Khoa  | 11A7  | 8,25 | 10   | 9,5 | Giỏi       |
| 205 | Hoàng Quốc Đăng    | Khoa  | 11A10 | 6    | 7,8  | 7,5 | Khá        |
| 206 | Huỳnh Đăng         | Khoa  | 11A8  | 6    | 9,8  | 9   | Giỏi       |
| 207 | Nguyễn Hàm Đăng    | Khoa  | 11A8  | 7,75 | 10   | 9,5 | Giỏi       |
| 208 | Nguyễn Hoàng       | Khoa  | 11A13 | 4,75 | 8    | 7   | Trung bình |
| 209 | Trần Minh          | Khoa  | 11A5  | 4,25 | 6,8  | 6   | Trung bình |
| 210 | Vũ Anh             | Khôi  | 11A10 | 3    | 7,5  | 6,5 | Trung bình |
| 211 | Phạm Nguyễn Đăng   | Khôi  | 11A2  | Vắng | Vắng |     |            |
| 212 | Nguyễn Lê          | Khôi  | 11A3  | 4,25 | 5,5  | 5   | Trung bình |
| 213 | Lê Nguyễn Minh     | Khôi  | 11A3  | 6    | 8,3  | 7,5 | Khá        |
| 214 | Nguyễn Ngọc        | Khôi  | 11A8  | Vắng | Vắng |     |            |
| 215 | Trịnh Nhật         | Khôi  | 11A14 | 6    | 9,8  | 9   | Giỏi       |
| 216 | Lê Minh            | Khuê  | 11A8  | 5,75 | 10   | 9   | Giỏi       |
| 217 | Trần Khải          | Lạc   | 11A7  | Vắng | Vắng |     |            |
| 218 | Tân Khánh          | Lạc   | 11A3  | 6    | 9    | 8,5 | Khá        |
| 219 | Trương Thị Ngọc    | Lan   | 11A2  | 5    | Vắng |     |            |
| 220 | Nguyễn Bùi Đăng    | Lâm   | 11A5  | 4,75 | 7,8  | 7   | Trung bình |
| 221 | Nguyễn Huỳnh Phúc  | Lâm   | 11A13 | Vắng | Vắng |     |            |
| 222 | Nguyễn Hoàng Phi   | Lân   | 11A6  | 4    | Vắng |     |            |
| 223 | Trịnh Thanh        | Liêm  | 11A3  | 7,25 | 8,5  | 8   | Khá        |

|     |                   |       |       |      |      |     |            |
|-----|-------------------|-------|-------|------|------|-----|------------|
| 224 | Trần Thủy Thúy    | Liễu  | 11A12 | 6    | 10   | 9   | Giỏi       |
| 225 | Hoàng Khánh       | Linh  | 11A10 | 4    | Vắng |     |            |
| 226 | Dương Thị Khánh   | Linh  | 11A1  | 6,25 | 10   | 9   | Giỏi       |
| 227 | Nguyễn Lê Mai     | Linh  | 11A4  | 5,5  | 7,5  | 7   | Khá        |
| 228 | Lê Mỹ             | Linh  | 11A5  | 4,5  | 9    | 8   | Trung bình |
| 229 | Huỳnh Ngọc Trúc   | Linh  | 11A3  | 2,5  | 5,5  | 5   | Hồng       |
| 230 | Đoàn Thị Trúc     | Linh  | 11A11 | 3,25 | 5,8  | 5   | Trung bình |
| 231 | Lê Phương         | Loan  | 11A1  | 4,25 | 9,8  | 8,5 | Trung bình |
| 232 | Phan Hoàng        | Long  | 11A8  | 7,25 | 10   | 9,5 | Giỏi       |
| 233 | Uông Huỳnh        | Long  | 11A1  | 7,25 | 7,75 | 7,5 | Khá        |
| 234 | Cao Minh          | Long  | 11A1  | Vắng | Vắng |     |            |
| 235 | Trương Phi        | Long  | 11A10 | 5,5  | 9,75 | 8,5 | Khá        |
| 236 | Lý Phú            | Long  | 11A3  | 7,5  | 9,25 | 9   | Giỏi       |
| 237 | Huỳnh Phúc        | Long  | 11A11 | 6    | 8,25 | 7,5 | Khá        |
| 238 | Trần Phan Tuấn    | Long  | 11A11 | Vắng | Vắng |     |            |
| 239 | Đoàn Thanh        | Long  | 11A4  | 4,25 | 5,5  | 5   | Trung bình |
| 240 | Phạm Văn          | Long  | 11A10 | 4,5  | 7    | 6,5 | Trung bình |
| 241 | Nguyễn Hữu        | Lộc   | 11A3  | 4,5  | 7    | 6,5 | Trung bình |
| 242 | Đặng Thiên        | Lộc   | 11A4  | Vắng | Vắng |     |            |
| 243 | Lê Văn            | Lộc   | 11A10 | 5,5  | 9    | 8   | Khá        |
| 244 | Diệp Bình         | Luân  | 11A7  | Vắng | Vắng |     |            |
| 245 | Huỳnh Minh        | Luân  | 11A11 | Vắng | Vắng |     |            |
| 246 | Mạc Thiệu         | Luân  | 11A5  | 5,75 | 5    | 5   | Trung bình |
| 247 | Nguyễn Kim        | Luyến | 11A7  | 4    | 5    | 5   | Trung bình |
| 248 | Lê Huỳnh Cẩm      | Ly    | 11A3  | 4    | 5    | 5   | Trung bình |
| 249 | Hoàng Cẩm         | Mai   | 11A2  | Vắng | Vắng |     |            |
| 250 | Võ Thị Kim        | Mai   | 11A4  | 3,75 | 7    | 6   | Trung bình |
| 251 | Châu Ngọc         | Mai   | 11A3  | 6,25 | 9,25 | 8,5 | Khá        |
| 252 | Trần Quế          | Mai   | 11A11 | 5,75 | 9,25 | 8,5 | Khá        |
| 253 | Lê Quỳnh          | Mai   | 11A9  | 6,25 | 9    | 8,5 | Khá        |
| 254 | Vũ Thị Xuân       | Mai   | 11A4  | 6    | 9,75 | 9   | Giỏi       |
| 255 | Musasa Lay        | Man   | 11A13 | 6    | 9,5  | 8,5 | Khá        |
| 256 | Đào Gia           | Mẫn   | 11A5  | Vắng | Vắng |     |            |
| 257 | Chu Tuệ           | Mẫn   | 11A14 | 3    | 5    | 4,5 | Hồng       |
| 258 | Nguyễn Thành      | Mến   | 11A4  | 4,25 | 5,5  | 5   | Trung bình |
| 259 | Lưu Tố            | Mi    | 11A7  | 5,5  | 8,75 | 8   | Khá        |
| 260 | Hà Lê Công        | Minh  | 11A3  | 6    | 8,5  | 8   | Khá        |
| 261 | Lý Chánh          | Minh  | 11A9  | 5,75 | 9,25 | 8,5 | Khá        |
| 262 | Nhan Đức          | Minh  | 11A11 | 5,5  | 7    | 6,5 | Trung bình |
| 263 | Trương Đặng Hoàng | Minh  | 11A12 | Vắng | Vắng |     |            |
| 264 | Lê Hùng           | Minh  | 11A7  | Vắng | Vắng |     |            |
| 265 | Nguyễn Hữu        | Minh  | 11A13 | 6,25 | 9,25 | 8,5 | Khá        |
| 266 | Huỳnh Lê          | Minh  | 11A6  | 2    | 8,5  | 7   | Hồng       |
| 267 | La Nguyên         | Minh  | 11A1  | 8    | 9,5  | 9   | Giỏi       |
| 268 | Võ Nguyễn         | Minh  | 11A1  | 4,75 | Vắng |     |            |
| 269 | Trần Nguyệt       | Minh  | 11A1  | Vắng | Vắng |     |            |
| 270 | Lê Nhật           | Minh  | 11A10 | Vắng | Vắng |     |            |
| 271 | Đỗ Hoàng Nhật     | Minh  | 11A1  | 8,5  | 9,5  | 9,5 | Giỏi       |
| 272 | Nguyễn Quang      | Minh  | 11A8  | 8,25 | 9    | 9   | Giỏi       |
| 273 | Nguyễn Tường Ng   | Minh  | 11A1  | Vắng | Vắng |     |            |
| 274 | Châu Thế          | Minh  | 11A6  | 5    | 6,5  | 6   | Trung bình |
| 275 | Lý Trọng          | Minh  | 11A13 | 7    | 10   | 9,5 | Giỏi       |
| 276 | Nguyễn Hà         | My    | 11A2  | Vắng | Vắng |     |            |
| 277 | Diệp Hiếu         | My    | 11A5  | 4,5  | 5    | 5   | Trung bình |
| 278 | Trần Ngọc Thảo    | My    | 11A4  | Vắng | Vắng |     |            |
| 279 | Chung Thiên Thảo  | My    | 11A8  | 8,75 | 10   | 9,5 | Giỏi       |

|     |                   |        |       |      |      |     |            |
|-----|-------------------|--------|-------|------|------|-----|------------|
| 280 | Đoàn Thùy         | My     | 11A6  | 4,25 | Vắng |     |            |
| 281 | Văn Trương Trà    | My     | 11A9  | 6,5  | 6,5  | 6,5 | Trung bình |
| 282 | Trần Thị Ái       | Mỹ     | 11A13 | 4,75 | Vắng |     |            |
| 283 | Lương Tú          | Mỹ     | 11A13 | 6    | 7,3  | 7   | Khá        |
| 284 | Phạm Hoài         | Nam    | 11A6  | 4,25 | Vắng |     |            |
| 285 | Võ Lê Hoàng       | Nam    | 11A14 | Vắng | Vắng |     |            |
| 286 | Nguyễn Lê Thành   | Nam    | 11A9  | 7,75 | 10   | 9,5 | Giỏi       |
| 287 | Bùi Tuấn          | Năng   | 11A2  | 3,75 | 8,8  | 7,5 | Trung bình |
| 288 | Trần Ngọc Kim     | Ngân   | 11A3  | 3,5  | Vắng |     |            |
| 289 | Phan Thị Kim      | Ngân   | 11A5  | Vắng | Vắng |     |            |
| 290 | Ngô Kim           | Ngân   | 11A12 | 6    | 5,3  | 5,5 | Trung bình |
| 291 | Nguyễn Ngọc Khánh | Ngân   | 11A4  | 4,75 | Vắng |     |            |
| 292 | Nguyễn Phương     | Ngân   | 11A2  | 5,25 | 7,8  | 7   | Khá        |
| 293 | Trần Thị Thanh    | Ngân   | 11A7  | 6,5  | 10   | 9   | Giỏi       |
| 294 | Nguyễn Thanh      | Ngân   | 11A3  | Vắng | Vắng |     |            |
| 295 | Lê Thị Xuân       | Ngân   | 11A9  | 5,25 | 9    | 8   | Khá        |
| 296 | Hà Bảo            | Nghi   | 11A1  | 7    | 10   | 9,5 | Giỏi       |
| 297 | Ngô Trần Đông     | Nghi   | 11A10 | 5,75 | 9,8  | 9   | Giỏi       |
| 298 | Hồ Chung Gia      | Nghi   | 11A1  | 5,75 | 8    | 7,5 | Khá        |
| 299 | Phan Gia          | Nghi   | 11A12 | 5,75 | 5,5  | 5,5 | Trung bình |
| 300 | Võ Gia            | Nghi   | 11A8  | 8    | 8,5  | 8,5 | Khá        |
| 301 | Trần Khiết        | Nghi   | 11A7  | Vắng | Vắng |     |            |
| 302 | Nguyễn Quốc Mộc   | Nghi   | 11A4  | 4,75 | 8,5  | 7,5 | Trung bình |
| 303 | Lục Mỹ            | Nghi   | 11A11 | 2,5  | Vắng |     |            |
| 304 | Hoàng Ngọc Phương | Nghi   | 11A6  | 3    | Vắng |     |            |
| 305 | Đỗ Thụy Phương    | Nghi   | 11A9  | 7,25 | 9,3  | 9   | Giỏi       |
| 306 | Nguyễn Thanh Thực | Nghi   | 11A14 | Vắng | Vắng |     |            |
| 307 | Thái Trung        | Nghi   | 11A7  | Vắng | Vắng |     |            |
| 308 | Lê Đặng Xuân      | Nghi   | 11A10 | 6    | 5    | 5,5 | Trung bình |
| 309 | Ngô Trọng         | Nghĩa  | 11A5  | 4,5  | 4    | 4   | Hỏng       |
| 310 | Nguyễn Bảo        | Ngọc   | 11A9  | 8,25 | 10   | 9,5 | Giỏi       |
| 311 | Đỗ Bảo            | Ngọc   | 11A9  | 7,25 | 9,5  | 9   | Giỏi       |
| 312 | Vũ Bích           | Ngọc   | 11A1  | 5,5  | Vắng |     |            |
| 313 | Trịnh Kim         | Ngọc   | 11A6  | 4    | Vắng |     |            |
| 314 | Lâm Khánh         | Ngọc   | 11A10 | Vắng | Vắng |     |            |
| 315 | Đinh Như          | Ngọc   | 11A6  | Vắng | Vắng |     |            |
| 316 | Nguyễn Thị Thanh  | Ngọc   | 11A12 | 3,75 | 8,25 | 7   | Trung bình |
| 317 | Huỳnh Yến         | Ngọc   | 11A1  | 4,5  | 8    | 7   | Trung bình |
| 318 | Lâm Nguyễn Đông   | Nguyên | 11A3  | Vắng | Vắng |     |            |
| 319 | Lý Hải            | Nguyên | 11A10 | 4,5  | 7,25 | 6,5 | Trung bình |
| 320 | Trương Hiến       | Nguyên | 11A1  | 6,5  | 7,25 | 7   | Khá        |
| 321 | Hồ Nguyễn Khôi    | Nguyên | 11A6  | 5,5  | 7,25 | 7   | Khá        |
| 322 | Phạm Đặng Thanh   | Nguyên | 11A6  | 5,25 | 7,75 | 7   | Khá        |
| 323 | Phan Thanh        | Nguyễn | 11A11 | 5,75 | 8,75 | 8   | Khá        |
| 324 | Võ Yến Minh       | Nguyệt | 11A8  | 3    | 9,5  | 8   | Trung bình |
| 325 | Huỳnh Lệ          | Nhàn   | 11A13 | 7,5  | 9,25 | 9   | Giỏi       |
| 326 | Nguyễn Thành      | Nhân   | 11A3  | 4    | Vắng |     |            |
| 327 | Nguyễn Cảnh       | Nhất   | 11A1  | Vắng | Vắng |     |            |
| 328 | Lê Hoàng Thống    | Nhất   | 11A7  | 5,25 | 5    | 5   | Trung bình |
| 329 | Nguyễn Minh       | Nhật   | 11A10 | 5,25 | 7    | 6,5 | Trung bình |
| 330 | Nguyễn Ái         | Nhi    | 11A6  | Vắng | Vắng |     |            |
| 331 | Quách Bảo         | Nhi    | 11A11 | 4,5  | Vắng |     |            |
| 332 | Phùng Bội         | Nhi    | 11A13 | 6,5  | 7    | 7   | Khá        |
| 333 | Tô Hồng           | Nhi    | 11A2  | 6,5  | 9,25 | 8,5 | Khá        |
| 334 | Chế Nguyễn Khả    | Nhi    | 11A4  | 7    | 8    | 8   | Khá        |
| 335 | Lê Huỳnh Ngọc     | Nhi    | 11A5  | Vắng | Vắng |     |            |

|     |                   |        |       |      |      |     |            |
|-----|-------------------|--------|-------|------|------|-----|------------|
| 336 | Bùi Ngọc          | Nhi    | 11A14 | 5    | 5    | 5   | Trung bình |
| 337 | Trần Phương       | Nhi    | 11A2  | 5,75 | 5    | 5   | Trung bình |
| 338 | Võ Song           | Nhi    | 11A8  | Vắng | Vắng |     |            |
| 339 | Nguyễn Thị Tuyết  | Nhi    | 11A4  | 3,5  | 5,5  | 5   | Trung bình |
| 340 | Sơn Đỗ Thanh      | Nhi    | 11A10 | 1,75 | 8    | 6,5 | Hồng       |
| 341 | Nguyễn Thanh Thảo | Nhi    | 11A3  | 5    | 8    | 7,5 | Khá        |
| 342 | Từ Thục           | Nhi    | 11A8  | 6,5  | 9    | 8,5 | Khá        |
| 343 | Huỳnh Ngọc Yến    | Nhi    | 11A3  | 3,25 | Vắng |     |            |
| 344 | Hồ Ngọc Yến       | Nhi    | 11A3  | Vắng | Vắng |     |            |
| 345 | Kiều Ngọc Yến     | Nhi    | 11A7  | 3,75 | Vắng |     |            |
| 346 | Phan Ngọc Trúc    | Nhiên  | 11A4  | Vắng | Vắng |     |            |
| 347 | Võ Thị Tuyết      | Nhung  | 11A13 | 4,25 | 6,5  | 6   | Trung bình |
| 348 | Lê Trần Bảo       | Như    | 11A1  | Vắng | Vắng |     |            |
| 349 | Tô Kim            | Như    | 11A2  | 4,75 | 9,5  | 8,5 | Trung bình |
| 350 | Nguyễn Ngọc Quỳnh | Như    | 11A9  | 6,5  | 10   | 9   | Giỏi       |
| 351 | Nguyễn Ngọc Quỳnh | Như    | 11A12 | 4,5  | 8,8  | 7,5 | Trung bình |
| 352 | Nguyễn Đặng Quỳnh | Như    | 11A2  | 4,5  | 10   | 8,5 | Trung bình |
| 353 | Nguyễn Thị Quỳnh  | Như    | 11A10 | 3,75 | 10   | 8,5 | Trung bình |
| 354 | Dương Trần Quỳnh  | Như    | 11A3  | 5    | 5    | 5   | Trung bình |
| 355 | Nguyễn Quỳnh      | Như    | 11A4  | 6,5  | 8,8  | 8   | Khá        |
| 356 | Lâm Tâm           | Như    | 11A8  | 8    | 10   | 9,5 | Giỏi       |
| 357 | Phạm Kiều Tâm     | Như    | 11A13 | 5    | 10   | 9   | Giỏi       |
| 358 | Huỳnh Thanh       | Như    | 11A10 | 5,25 | 6,5  | 6   | Trung bình |
| 359 | Lâm Thanh         | Như    | 11A7  | 3,75 | 7    | 6   | Trung bình |
| 360 | Trương Đình       | Nhật   | 11A12 | 4,5  | 8,8  | 7,5 | Trung bình |
| 361 | Nguyễn Phương     | Oanh   | 11A13 | 4,25 | 8,5  | 7,5 | Trung bình |
| 362 | Nguyễn Đức        | Phát   | 11A2  | 4,25 | 9    | 8   | Trung bình |
| 363 | Nguyễn Nghĩa      | Phát   | 11A4  | 4,5  | 6    | 5,5 | Trung bình |
| 364 | Trình Tân         | Phát   | 11A10 | 6,25 | 9,3  | 8,5 | Khá        |
| 365 | Hoàng Thái        | Phát   | 11A1  | 6    | 9    | 8,5 | Khá        |
| 366 | Nguyễn Thiên      | Phát   | 11A8  | 7,75 | 7,8  | 8   | Khá        |
| 367 | Lê Thanh Châu     | Phi    | 11A6  | 5,5  | 9    | 8   | Khá        |
| 368 | Nguyễn Phạm Thanh | Phong  | 11A11 | Vắng | Vắng |     |            |
| 369 | Mai Nhật          | Phú    | 11A10 | 6,25 | 8,5  | 8   | Khá        |
| 370 | Từ Quốc           | Phú    | 11A12 | 4,75 | 6,3  | 6   | Trung bình |
| 371 | Võ Thanh Thiên    | Phú    | 11A11 | 5,25 | 8    | 7,5 | Khá        |
| 372 | Ngô Hoài          | Phúc   | 11A14 | 5,75 | 3,5  | 4   | Hồng       |
| 373 | Dương Hoàng       | Phúc   | 11A12 | Vắng | Vắng |     |            |
| 374 | Trần Hoàng        | Phúc   | 11A2  | 4,5  | 6,5  | 6   | Trung bình |
| 375 | Võ Hồng           | Phúc   | 11A13 | 6,5  | 10   | 9   | Giỏi       |
| 376 | Nguyễn Minh       | Phúc   | 11A6  | 7    | 8,5  | 8   | Khá        |
| 377 | Hà Nguyễn Minh    | Phúc   | 11A12 | Vắng | Vắng |     |            |
| 378 | Nguyễn Quang      | Phúc   | 11A2  | 4,75 | 5,5  | 5,5 | Trung bình |
| 379 | Lê Thiên          | Phúc   | 11A4  | 4    | 9,3  | 8   | Trung bình |
| 380 | Huỳnh Thiên       | Phúc   | 11A5  | 5,5  | 10   | 9   | Giỏi       |
| 381 | Lâm Kim           | Phụng  | 11A2  | 4,5  | 5    | 5   | Trung bình |
| 382 | Nguyễn Thị Kim    | Phụng  | 11A12 | 3,75 | 3,8  | 4   | Hồng       |
| 383 | Trần Bách Mỹ      | Phụng  | 11A9  | 4,5  | 9,5  | 8,5 | Trung bình |
| 384 | Phạm Hữu          | Phước  | 11A10 | 4,25 | 9,5  | 8   | Trung bình |
| 385 | Nguyễn Lan        | Phương | 11A8  | 3,5  | 8    | 7   | Trung bình |
| 386 | Vũ Hoàng Minh     | Phương | 11A7  | 5,25 | 5,75 | 5,5 | Trung bình |
| 387 | Lê Mỹ             | Phương | 11A4  | 2    | 5    | 4,5 | Hồng       |
| 388 | Lý Mỹ             | Phương | 11A6  | Vắng | Vắng |     |            |
| 389 | Nguyễn Việt Thu   | Phương | 11A3  | 4    | 5    | 5   | Trung bình |
| 390 | Trần Hoàng Yến    | Phương | 11A14 | 4,75 | 5    | 5   | Trung bình |
| 391 | Huỳnh Bình        | Quang  | 11A7  | 8    | 9    | 9   | Giỏi       |

|     |                   |       |       |      |      |     |            |
|-----|-------------------|-------|-------|------|------|-----|------------|
| 392 | Trần Minh         | Quang | 11A7  | 6,25 | 9,75 | 9   | Giỏi       |
| 393 | Trần Minh         | Quang | 11A8  | 5,75 | 9,75 | 9   | Giỏi       |
| 394 | Huỳnh Tâm         | Quang | 11A3  | 5,5  | 5    | 5   | Trung bình |
| 395 | Đào Anh           | Quân  | 11A6  | Vắng | Vắng |     |            |
| 396 | Nguyễn Hoàng      | Quân  | 11A9  | Vắng | Vắng |     |            |
| 397 | Vũ Lê Minh        | Quân  | 11A9  | 5,75 | 8    | 7,5 | Khá        |
| 398 | Nguyễn Minh       | Quân  | 11A8  | 7,25 | 8    | 8   | Khá        |
| 399 | Nguyễn Minh       | Quân  | 11A4  | Vắng | Vắng |     |            |
| 400 | Mai Xuân          | Quân  | 11A12 | 3,75 | 9,5  | 8   | Trung bình |
| 401 | Nguyễn Anh        | Quốc  | 11A14 | 3,5  | 9,5  | 8   | Trung bình |
| 402 | Trương Nguyễn Anh | Quốc  | 11A11 | 5    | Vắng |     |            |
| 403 | Lê Gia            | Quyên | 11A8  | 6,5  | 9,75 | 9   | Giỏi       |
| 404 | Nguyễn Hồng Gia   | Quyên | 11A10 | 5    | 9    | 8   | Khá        |
| 405 | Lý Kim            | Quyên | 11A3  | 4,25 | 8    | 7   | Trung bình |
| 406 | Trần Lê Diễm      | Quỳnh | 11A4  | 4    | 5    | 5   | Trung bình |
| 407 | Phạm Diễm         | Quỳnh | 11A6  | Vắng | Vắng |     |            |
| 408 | Nguyễn Ngọc       | Quỳnh | 11A1  | 6,5  | 9    | 8,5 | Khá        |
| 409 | Nguyễn Thanh Nhã  | Quỳnh | 11A5  | 4,75 | 8,5  | 7,5 | Trung bình |
| 410 | Trần Ngọc Như     | Quỳnh | 11A9  | 6,5  | 9    | 8,5 | Khá        |
| 411 | Hoàng Như         | Quỳnh | 11A3  | 4,5  | 6,5  | 6   | Trung bình |
| 412 | Trần Thị Như      | Quỳnh | 11A7  | Vắng | Vắng |     |            |
| 413 | Nguyễn Phương     | Quỳnh | 11A2  | 5,75 | 9    | 8   | Khá        |
| 414 | Nguyễn Song       | Quỳnh | 11A4  | 4,25 | 5    | 5   | Trung bình |
| 415 | Hồ Diệp           | San   | 11A5  | 5    | 8    | 7,5 | Khá        |
| 416 | Nguyễn Minh       | Sang  | 11A7  | 8,5  | 5    | 6   | Trung bình |
| 417 | Nguyễn Tấn        | Sang  | 11A1  | 7    | 9    | 8,5 | Khá        |
| 418 | Phan Huy          | Sơn   | 11A8  | Vắng | Vắng |     |            |
| 419 | Trần Ngọc         | Sơn   | 11A12 | Vắng | Vắng |     |            |
| 420 | Võ Thanh          | Sơn   | 11A13 | Vắng | Vắng |     |            |
| 421 | Trang Trung       | Sơn   | 11A14 | 4,75 | Vắng |     |            |
| 422 | Trịnh Thị Tuyết   | Sương | 11A2  | 4    | Vắng |     |            |
| 423 | Hà Đức            | Tài   | 11A13 | Vắng | Vắng |     |            |
| 424 | Nguyễn Đức        | Tài   | 11A1  | 3,5  | 6    | 5,5 | Trung bình |
| 425 | Lê Hữu            | Tài   | 11A2  | 4,5  | 9    | 8   | Trung bình |
| 426 | Nguyễn Ngọc C     | Tài   | 11A12 | 7    | 7,8  | 7,5 | Khá        |
| 427 | Nguyễn Phúc       | Tài   | 11A2  | 6,5  | 9,8  | 9   | Giỏi       |
| 428 | Vũ Phước          | Tài   | 11A5  | 6,75 | 10   | 9   | Giỏi       |
| 429 | Phan Thành        | Tài   | 11A2  | 4,25 | 10   | 8,5 | Trung bình |
| 430 | Nguyễn Hoàng      | Tâm   | 11A12 | 7    | 6,5  | 6,5 | Trung bình |
| 431 | Trần Minh         | Tâm   | 11A7  | 4    | 9    | 8   | Trung bình |
| 432 | Lê Phan Minh      | Tâm   | 11A6  | 4,75 | 9    | 8   | Trung bình |
| 433 | Nguyễn Trần Mỹ    | Tâm   | 11A2  | Vắng | Vắng |     |            |
| 434 | Nguyễn Ngọc Khánh | Tân   | 11A9  | Vắng | Vắng |     |            |
| 435 | Lê Nguyễn Minh    | Tân   | 11A6  | 4    | 6    | 5,5 | Trung bình |
| 436 | Trần Vũ Quang     | Tân   | 11A1  | 7,25 | 10   | 9,5 | Giỏi       |
| 437 | Bùi Ngọc Thảo     | Tiên  | 11A13 | 6,5  | 10   | 9   | Giỏi       |
| 438 | Đặng Ngọc Thủy    | Tiên  | 11A5  | Vắng | Vắng |     |            |
| 439 | Nguyễn Gia        | Tiến  | 11A5  | 5    | 9,8  | 8,5 | Khá        |
| 440 | Huỳnh Minh        | Tiến  | 11A13 | 6,75 | 10   | 9   | Giỏi       |
| 441 | Nguyễn Đoàn Minh  | Tiến  | 11A2  | 7,25 | 8,8  | 8,5 | Khá        |
| 442 | Nguyễn Xuân       | Tiến  | 11A7  | 4,25 | 7    | 6,5 | Trung bình |
| 443 | Tạ Gia            | Tín   | 11A5  | 3,75 | 6,8  | 6   | Trung bình |
| 444 | Nguyễn Song       | Toàn  | 11A6  | 6,25 | 8,5  | 8   | Khá        |
| 445 | Nguyễn Thanh      | Toàn  | 11A12 | 7,5  | 7,5  | 7,5 | Khá        |
| 446 | Nguyễn Vũ Anh     | Tú    | 11A6  | 4,25 | 7,5  | 6,5 | Trung bình |
| 447 | Đào Ngọc Gia      | Tú    | 11A5  | 4,25 | 5,5  | 5   | Trung bình |



|     |                    |       |       |      |      |     |            |
|-----|--------------------|-------|-------|------|------|-----|------------|
| 448 | Nguyễn Lý Khả      | Tú    | 11A8  | 5,25 | 9    | 8   | Khá        |
| 449 | Huỳnh Thị Minh     | Tú    | 11A9  | 5,75 | 10   | 9   | Giỏi       |
| 450 | Võ Thành           | Tú    | 11A11 | 5    | 6,5  | 6   | Trung bình |
| 451 | Nguyễn Lê Duy      | Tuấn  | 11A11 | 4,75 | 7,8  | 7   | Trung bình |
| 452 | Trương Hào         | Tuấn  | 11A10 | 6    | 10   | 9   | Giỏi       |
| 453 | Châu Hoàng         | Tuấn  | 11A2  | 6,25 | 9,8  | 9   | Giỏi       |
| 454 | Huỳnh Lý           | Tuấn  | 11A10 | 6,25 | 10   | 9   | Giỏi       |
| 455 | Nguyễn Lý          | Tuấn  | 11A6  | 3    | Vắng |     |            |
| 456 | Hà Minh            | Tuấn  | 11A14 | 4,5  | 5,5  | 5,5 | Trung bình |
| 457 | Trần Phương        | Tùng  | 11A7  | 5,75 | 8,5  | 8   | Khá        |
| 458 | Nguyễn Trần Bích   | Tuyền | 11A11 | 5,5  | 8,8  | 8   | Khá        |
| 459 | Trần Lam           | Tuyền | 11A3  | 4,75 | 5,3  | 5   | Trung bình |
| 460 | Phạm Minh          | Tuyền | 11A4  | 6,75 | 9    | 8,5 | Khá        |
| 461 | Trần Ánh           | Tuyết | 11A6  | 3,5  | 8,8  | 7,5 | Trung bình |
| 462 | Huỳnh Yến          | Tuyết | 11A4  | 5,75 | 10   | 9   | Giỏi       |
| 463 | Nguyễn             | Thanh | 11A11 | 5,75 | 8,5  | 8   | Khá        |
| 464 | Đặng Phan Trí      | Thanh | 11A10 | 8    | 9    | 9   | Giỏi       |
| 465 | Nguyễn Trần Công   | Thành | 11A1  | Vắng | Vắng |     |            |
| 466 | Nguyễn Hưng        | Thành | 11A1  | 5,75 | 10   | 9   | Giỏi       |
| 467 | Nguyễn Thị Bích    | Thảo  | 11A4  | 3,5  | 5    | 4,5 | Hồng       |
| 468 | Nguyễn Loan        | Thảo  | 11A10 | 3,5  | 6    | 5,5 | Trung bình |
| 469 | Lý Trần Ngọc       | Thảo  | 11A6  | 3,75 | 7    | 6   | Trung bình |
| 470 | Nguyễn Ngọc Như    | Thảo  | 11A5  | 5    | 10   | 9   | Giỏi       |
| 471 | Đỗ Hoàng Phương    | Thảo  | 11A2  | 6,5  | 8,5  | 8   | Khá        |
| 472 | Lê Thị Phương      | Thảo  | 11A12 | 4    | Vắng |     |            |
| 473 | Phạm Phương        | Thảo  | 11A5  | 4,5  | 10   | 8,5 | Trung bình |
| 474 | Nguyễn Kiều Phương | Thảo  | 11A4  | 6,25 | 10   | 9   | Giỏi       |
| 475 | Nguyễn Hoàng Thạch | Thảo  | 11A13 | 4,75 | 5    | 5   | Trung bình |
| 476 | Nguyễn Huỳnh Thanh | Thảo  | 11A4  | 5,25 | 7    | 6,5 | Trung bình |
| 477 | Đoàn Đức           | Thắng | 11A5  | 4,75 | 5    | 5   | Trung bình |
| 478 | Lê Trần Phương     | Thế   | 11A8  | 8,25 | 10   | 9,5 | Giỏi       |
| 479 | Phạm Hoàn          | Thiện | 11A10 | Vắng | Vắng |     |            |
| 480 | Nguyễn Ngọc        | Thiện | 11A11 | 5,5  | 6    | 6   | Trung bình |
| 481 | Hàn Phương         | Thiện | 11A6  | 5,75 | 5    | 5   | Trung bình |
| 482 | Phan Nguyễn Hoàn   | Thịnh | 11A10 | 7    | 10   | 9,5 | Giỏi       |
| 483 | Nguyễn Trần Hoàng  | Thịnh | 11A14 | 6    | 8    | 7,5 | Khá        |
| 484 | Nguyễn Phú         | Thịnh | 11A1  | 8,25 | 10   | 9,5 | Giỏi       |
| 485 | Phạm Nguyễn Phước  | Thịnh | 11A8  | 4    | 9,25 | 8   | Trung bình |
| 486 | Lê Nguyễn          | Thông | 11A7  | 5,5  | 8    | 7,5 | Khá        |
| 487 | Phạm Minh          | Thu   | 11A6  | 2,75 | 8    | 6,5 | Hồng       |
| 488 | Nguyễn Hoàng       | Thuần | 11A8  | 7,5  | 9,75 | 9   | Giỏi       |
| 489 | Tăng Gia           | Thuận | 11A13 | 6,25 | 10   | 9   | Giỏi       |
| 490 | Hoàng Ngọc         | Thuận | 11A9  | 6,75 | 9    | 8,5 | Khá        |
| 491 | Đỗ Phú             | Thuận | 11A2  | 6    | 9,25 | 8,5 | Khá        |
| 492 | Võ Trương Minh     | Thùy  | 11A12 | 2,75 | 9,25 | 7,5 | Hồng       |
| 493 | Nguyễn Thị Thanh   | Thùy  | 11A9  | 4,5  | 9,5  | 8,5 | Trung bình |
| 494 | Lai Thanh          | Thúy  | 11A4  | 6,25 | 10   | 9   | Giỏi       |
| 495 | Đỗ Nguyễn Thanh    | Thúy  | 11A9  | 5,25 | 7,75 | 7   | Khá        |
| 496 | Trần NgọcC Anh     | Thư   | 11A10 | Vắng | Vắng |     |            |
| 497 | Nguyễn Hoàng Anh   | Thư   | 11A14 | 5,75 | 7,5  | 7   | Khá        |
| 498 | Mai Anh            | Thư   | 11A9  | Vắng | Vắng |     |            |
| 499 | Nguyễn Trần Anh    | Thư   | 11A9  | 8,5  | 9,25 | 9   | Giỏi       |
| 500 | Bùi Nguyễn Anh     | Thư   | 11A3  | 4,25 | 7    | 6,5 | Trung bình |
| 501 | Phan Ngọc Minh     | Thư   | 11A12 | 6    | 8,25 | 7,5 | Khá        |
| 502 | Trần Ngọc Minh     | Thư   | 11A11 | 3,25 | 8    | 7   | Trung bình |
| 503 | Đặng Minh          | Thư   | 11A8  | 7,5  | 10   | 9,5 | Giỏi       |

|     |                     |       |       |      |      |     |            |
|-----|---------------------|-------|-------|------|------|-----|------------|
| 504 | Vũ Hồng Minh        | Thư   | 11A3  | 4,25 | 7,3  | 6,5 | Trung bình |
| 505 | Lê Nguyễn Minh      | Thư   | 11A2  | Vắng | Vắng |     |            |
| 506 | Nguyễn Ngọc Mai     | Thy   | 11A5  | 4    | 7    | 6,5 | Trung bình |
| 507 | Phạm Hà Minh        | Thy   | 11A2  | 3,25 | 10   | 8,5 | Trung bình |
| 508 | Cao Ngọc Phương     | Thy   | 11A4  | Vắng | Vắng |     |            |
| 509 | Nguyễn Vũ Uyên      | Thy   | 11A4  | 3,25 | 5    | 4,5 | Hồng       |
| 510 | Nguyễn Xuân Sơn     | Trà   | 11A3  | Vắng | Vắng |     |            |
| 511 | Huỳnh Ngọc Đoan     | Trang | 11A11 | 3,25 | 6,3  | 5,5 | Trung bình |
| 512 | Nguyễn Phú Hà       | Trang | 11A5  | 4,75 | 10   | 8,5 | Trung bình |
| 513 | Phạm Ngọc Bích      | Trâm  | 11A8  | 7,5  | 10   | 9,5 | Giỏi       |
| 514 | Vũ Ngọc Bích        | Trâm  | 11A2  | 4    | 9    | 8   | Trung bình |
| 515 | Trần Thị Mộng       | Trâm  | 11A2  | 5    | 10   | 9   | Giỏi       |
| 516 | Nguyễn Thị Phương   | Trâm  | 11A11 | 2,75 | 5    | 4,5 | Hồng       |
| 517 | Đỗ Lê Quỳnh         | Trâm  | 11A10 | 3,25 | 7    | 6   | Trung bình |
| 518 | Nguyễn Ngọc Bảo     | Trân  | 11A3  | 5    | 5,5  | 5,5 | Trung bình |
| 519 | Nguyễn Lê Bảo       | Trân  | 11A4  | 5,25 | 8,5  | 7,5 | Khá        |
| 520 | Hà Mỹ               | Trân  | 11A8  | 6,5  | 8,3  | 8   | Khá        |
| 521 | Nguyễn Vũ Đức       | Trí   | 11A10 | 6,5  | 7,5  | 7,5 | Khá        |
| 522 | Từ Khang            | Trí   | 11A11 | 6,25 | 8,75 | 8   | Khá        |
| 523 | Nguyễn Hoàng Minh   | Trí   | 11A9  | 5,25 | 8,5  | 7,5 | Khá        |
| 524 | Nguyễn Trần Minh    | Trí   | 11A11 | 5,5  | 5    | 5   | Trung bình |
| 525 | Võ Nguyễn Minh      | Triết | 11A12 | 7,25 | 7,8  | 7,5 | Khá        |
| 526 | Nguyễn Hoàng Minh   | Triết | 11A13 | 6,75 | 7,5  | 7,5 | Khá        |
| 527 | Vương Minh          | Triết | 11A2  | 3,5  | 9,3  | 8   | Trung bình |
| 528 | Phạm Minh           | Triết | 11A7  | 4,75 | 8,3  | 7,5 | Trung bình |
| 529 | Hà Huệ              | Trình | 11A6  | 4,75 | Vắng |     |            |
| 530 | Nguyễn Ngọc Kim     | Trình | 11A2  | Vắng | Vắng |     |            |
| 531 | Võ Quyên            | Trình | 11A11 | 4,25 | 5    | 5   | Trung bình |
| 532 | Lương Thuỳ          | Trình | 11A9  | 7,25 | 9,5  | 9   | Giỏi       |
| 533 | Bùi Thọ Khánh       | Trình | 11A8  | 5,5  | 9    | 8   | Khá        |
| 534 | Lê Huỳnh Khương     | Trọng | 11A9  | 8,25 | 10   | 9,5 | Giỏi       |
| 535 | Đặng Hoàng Thanh    | Trọng | 11A7  | 4,25 | 10   | 8,5 | Trung bình |
| 536 | Huỳnh Phạm Nhã      | Trúc  | 11A4  | 4    | 4,8  | 4,5 | Hồng       |
| 537 | Mai Thanh           | Trúc  | 11A5  | 5,25 | 9    | 8   | Khá        |
| 538 | Nguyễn Thanh        | Trúc  | 11A7  | Vắng | Vắng |     |            |
| 539 | Nguyễn Đức          | Trung | 11A5  | 5,75 | 10   | 9   | Giỏi       |
| 540 | Lê Nguyễn Nhất      | Trung | 11A13 | 6,25 | 8,25 | 8   | Khá        |
| 541 | Phan Thành          | Trung | 11A6  | 6,25 | 8,25 | 8   | Khá        |
| 542 | Nguyễn Thành        | Trung | 11A8  | 6,25 | 8,5  | 8   | Khá        |
| 543 | Phạm Ngọc Mỹ        | Uyên  | 11A6  | 3,25 | 7    | 6   | Trung bình |
| 544 | Nguyễn Ngọc         | Uyên  | 11A1  | 6,75 | 9    | 8,5 | Khá        |
| 545 | Lê Phương           | Uyên  | 11A11 | 4,75 | 5    | 5   | Trung bình |
| 546 | Nguyễn Ngọc Phương  | Uyên  | 11A4  | 4    | 5    | 5   | Trung bình |
| 547 | Nguyễn Hoàng Phương | Uyên  | 11A2  | 3    | Vắng |     |            |
| 548 | Lê Huỳnh Phương     | Uyên  | 11A13 | 5,25 | 9    | 8   | Khá        |
| 549 | Mai Bùi Phương      | Uyên  | 11A12 | 5,75 | 7    | 6,5 | Trung bình |
| 550 | Nguyễn Phương       | Uyên  | 11A3  | Vắng | Vắng |     |            |
| 551 | Nguyễn Lê Thảo      | Uyên  | 11A7  | 4,25 | 7    | 6,5 | Trung bình |
| 552 | Huỳnh Bảo           | Vân   | 11A3  | 4,5  | 6    | 5,5 | Trung bình |
| 553 | Phạm Hoàng Khánh    | Vân   | 11A4  | 4,75 | 6    | 5,5 | Trung bình |
| 554 | Huỳnh Đỗ Tường      | Vân   | 11A10 | 5    | 6    | 6   | Trung bình |
| 555 | Trần Diệu           | Vĩ    | 11A5  | 6,75 | 7    | 7   | Khá        |
| 556 | Đoàn Anh            | Việt  | 11A12 | Vắng | Vắng |     |            |
| 557 | Đặng Trí            | Việt  | 11A9  | 8,25 | 8,5  | 8,5 | Khá        |
| 558 | Thái Chí            | Vinh  | 11A13 | 4,5  | 5    | 5   | Trung bình |
| 559 | Trần Đông           | Vinh  | 11A4  | 7,75 | 9    | 8,5 | Khá        |

|     |                    |      |       |      |      |     |            |
|-----|--------------------|------|-------|------|------|-----|------------|
| 560 | Lê Nguyên          | Vinh | 11A3  | 5,25 | 5    | 5   | Trung bình |
| 561 | Thái Quốc          | Vinh | 11A4  | 3,5  | 5    | 4,5 | Hồng       |
| 562 | Bùi Bá Tuấn        | Vinh | 11A8  | 6    | 5    | 5,5 | Trung bình |
| 563 | Nguyễn Hoàng       | Vũ   | 11A12 | 6,25 | 5    | 5,5 | Trung bình |
| 564 | Nguyễn Thanh       | Vũ   | 11A3  | 5,25 | 5    | 5   | Trung bình |
| 565 | Quách Trần Hoàng   | Vy   | 11A13 | 4    | 5,5  | 5   | Trung bình |
| 566 | Nguyễn Huỳnh Khánh | Vy   | 11A7  | 4,75 | 5,5  | 5,5 | Trung bình |
| 567 | Diệp Khánh         | Vy   | 11A13 | 5,75 | 10   | 9   | Giỏi       |
| 568 | Huỳnh Lê           | Vy   | 11A5  | Vắng | Vắng |     |            |
| 569 | Trần Ngọc          | Vy   | 11A9  | 7    | 9,3  | 8,5 | Khá        |
| 570 | Đỗ Nhật            | Vy   | 11A3  | 4,25 | Vắng |     |            |
| 571 | Hồ Nhật            | Vy   | 11A7  | 4,5  | 7,8  | 7   | Trung bình |
| 572 | Nguyễn Hà Phương   | Vy   | 11A11 | 4,75 | 5,3  | 5   | Trung bình |
| 573 | Huỳnh Ngọc Phương  | Vy   | 11A8  | 7,5  | 10   | 9,5 | Giỏi       |
| 574 | Trần Lê Tường      | Vy   | 11A11 | 3,25 | 7,5  | 6,5 | Trung bình |
| 575 | Nguyễn Tường       | Vy   | 11A1  | 7    | 10   | 9,5 | Giỏi       |
| 576 | Nguyễn Tường       | Vy   | 11A6  | Vắng | Vắng |     |            |
| 577 | Lâm Nguyễn Tường   | Vy   | 11A3  | 6,25 | 7,5  | 7   | Khá        |
| 578 | Trần Lê Thanh      | Vy   | 11A4  | 3    | 5    | 4,5 | Hồng       |
| 579 | Nguyễn Ngọc Thảo   | Vy   | 11A7  | 3,25 | 5    | 4,5 | Hồng       |
| 580 | Lê Huỳnh Triệu     | Vy   | 11A5  | 5,5  | 5,5  | 5,5 | Trung bình |
| 581 | Lương Thị Yến      | Vy   | 11A10 | 4,25 | 6    | 5,5 | Trung bình |
| 582 | Võ Thị Yến         | Vy   | 11A12 | Vắng | Vắng |     |            |
| 583 | Nguyễn Phạm Yến    | Vy   | 11A2  | 6,25 | 8,8  | 8   | Khá        |
| 584 | Ông Thị Diễm       | Xuân | 11A9  | 6,25 | 8    | 7,5 | Khá        |
| 585 | Trần Đỗ Nguyên     | Xuân | 11A10 | 3,5  | 5,5  | 5   | Trung bình |
| 586 | Nguyễn Nhật Bảo    | Ý    | 11A10 | 4,75 | 6    | 5,5 | Trung bình |
| 587 | Nguyễn Ngọc Như    | Ý    | 11A11 | 3,75 | 4    | 4   | Hồng       |
| 588 | Đỗ Ngọc Như        | Ý    | 11A3  | 3,75 | 5,5  | 5   | Trung bình |
| 589 | Ngô Ngọc Như       | Ý    | 11A4  | 5    | 6,5  | 6   | Trung bình |
| 590 | Nguyễn Đặng Như    | Ý    | 11A5  | Vắng | Vắng |     |            |
| 591 | Nguyễn Hoàng Như   | Ý    | 11A3  | 4,5  | 9    | 8   | Trung bình |
| 592 | Nguyễn Trần Như    | Ý    | 11A4  | 6    | 10   | 9   | Giỏi       |
| 593 | Phạm Nguyễn Như    | Ý    | 11A14 | 3,5  | Vắng |     |            |
| 594 | Võ Như             | Ý    | 11A7  | 4    | 5    | 5   | Trung bình |